TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nhi.

2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên toà: Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 39/2023/TLST-DS ngày 13/6/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam (Viết tắt: VIB).

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower – 111 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ-Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành Công-Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ-Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ 2-VIB. Theo Giấy ủy quyền số 94287.21 ngày 08/11/2021.

Người được ủy quyền lại: Bà Đoàn Thị Kiều Trang, ông Nguyễn Văn Phong và bà Dương Thị Sáu-Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Theo Giấy ủy quyền số 131876.22 ngày 01/12/2022. Bà Trang có mặt; ông Phong, bà Sáu vắng.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1965 và bà Cao Thị N1, sinh năm 1970. Bà N1 có mặt, ông T1 vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã K, tỉnh H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Vũ Huy G1 (tên gọi khác: Đ1), sinh năm 1949. Vắng mặt.

2. Bà Cao Thị Đ2, sinh năm 1959. Vắng mặt.

3. Anh Vũ Đại P1, sinh năm 1981. Vắng mặt.

4. Anh Vũ Văn Th1, sinh năm 1984. Có mặt.

5. Anh Vũ Văn Ng1, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Khu 7, phường P1, thị xã K, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Đ2: Ông Vũ Huy G1.

Người đại diện theo ủy quyền của anh P1, anh Ng1: Anh Vũ Văn Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 28/11/2007, vợ chồng ông Hoàng Văn T1 và bà Cao Thị N1 vay vốn tại VIB-Chi nhánh H thông qua hợp đồng tín dụng số 767/11-07/DH/TAU (gọi tắt là: Hợp đồng tín dụng); số tiền vay: 2.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng, kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; mục đích vay: Bổ sung vốn mua sà lan tự hành phục vụ kinh doanh; lãi suất 1,2%/tháng và được điều chỉnh 06 tháng một lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm loại 12 tháng cao nhất của VIB +0.46%/tháng nhưng không thấp hơn 1,2%/tháng. Ngày 01/8/2008, hai bên thỏa thuận sửa đổi về lãi suất theo Phụ lục hợp đồng tín dụng; Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc và nợ lãi trả vào các ngày 20 hàng tháng, mỗi lần trả nợ gốc tối thiểu 27.000.000đ, riêng kỳ cuối trả 83.000.000đ, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 20/12/2007, kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 28/11/2013; Sau khi ký kết hợp đồng, VIB đã giải ngân cho ông T1, bà N1 tổng số tiền 2.000.000.000đ thông qua Khế ước nhận nợ số 767/KƯNN1. ngày 29/11/2007.

Tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông T1, bà N1 gồm: Tài sản 1: Quyền sử dụng 597m^2 đất, thửa đất số 99 và 113, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Phường P1, thị xã K, tỉnh H đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Huy G1 vào ngày 02/12/1999. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 767B/2007/HĐTC/VIBHD ngày 28/11/2007 giữa VIB và ông G1, Bà Đ2; tài sản 2: Quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh H đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn T1 và bà Cao Thị N1 vào ngày 21/9/2007; tài sản 3: 01 tàu vận tải thủy, trọng tải 790/497,244 tấn, biển kiểm soát số HD-1475. Kết quả Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất 99 và 113 xác định diện tích hiện tại của thửa đất là 606.4m^2. Trên đất gia đình ông T1, bà N1 đã xây dựng thêm một số tài sản sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp gồm: Đổ đất để san lấp ao phía sau vườn, xây dựng nhà dưới, nhà vệ sinh, nhà chăn nuôi, hệ thống mái tôn...Quan điểm của VIB xác định toàn bộ tài sản trên đất phát sinh sau thời điểm ký kết hợp đồng đều là tài sản thế chấp cho khoản vay của vợ chồng ông T1, bà N1

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ

theo thỏa thuận, VIB đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 21/9/2009. Ông T1, bà N1 đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh H và 01 tàu vận tải thủy, trọng tải 790/497,244 tấn, biển kiểm soát số HD-1475 2 cho VIB xử lý để thu hồi nợ. Tổng số tiền ông T1, bà N1 đã trả cho VIB là 2.017.928.423đ. Trong đó: Nợ gốc: 1.494.729.402đ; nợ lãi: 523.199.021đ. Tạm tính đến ngày 28/11/2022, ông T1, bà N1 còn nợ VIB tổng số tiền là 3.105.436.954đ, gồm: Nợ gốc: 505.270.598đ; nợ lãi trong hạn: 392.722.942đ; nợ lãi quá hạn: 2.207.443.413đ.

Nay phía VIB yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà N1 phải thanh toán trả cho VIB toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên. Tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/11/2022 cho đến ngày ông T1, bà N1 thanh toán xong khoản nợ cho VIB. Trường hợp ông T1, bà N1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2023, bị đơn-bà Cao Thị N1 trình bày: Khoảng năm 2008, vợ chồng bà có ký kết hợp đồng với VIB, mục đích mua tàu, khoản tiền vay, mục đích vay, lãi suất và thời hạn trả được thể hiện theo đúng hợp đồng đã ký với ngân hàng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bà có nhờ ông G1, Bà Đ2 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99 và 113, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Phường P1, thị xã K, tỉnh H đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Huy G1 vào ngày 02/12/1999. Quá trình từ đó đến nay, vợ chồng bà cũng trả được ngân hàng nhiều lần tiền gốc và tiền lãi. Đến nay do làm ăn thua lỗ nên bà chưa trả hết cho ngân hàng được. Nay bà xác định bà và ông T1 còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 505.270.598đ và tiền lãi, còn cụ thể tiền lãi bao nhiêu thì bà không rõ. Bà và ông T1 đã ly hôn năm 2016, hiện ông T1 đi đâu, làm gì bà không nắm được vì bà không còn sống chung với ông T1. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà và ông T1 phải có nghĩa vụ trả nợ, hiện ông T1 ở đâu bà không nắm được, bà đề nghị ngân hàng miễn lãi, bà sẽ trả toàn bộ nợ gốc trong một lần để giải chấp quyền sử dụng đất cho ông G1, Bà Đ2.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2023, bị đơn-ông Hoàng Văn T1 trình bày: Ông và bà Cao Thị N1 trước đây có quan hệ là vợ chồng. Do vợ chồng mâu thuẫn nên ông và bà N1 đã giải quyết ly hôn từ năm 2016. Bà Cao Thị Đ2 là chị gái bà N1, còn ông Vũ Huy G1 có quan hệ là chồng bà Cao Thị Đ2. Khi giải quyết ly hôn, ông và bà N1 vẫn còn nợ, đã phải bán nhà đất, tàu để trả nợ nên không có tài sản chung để giải quyết.

Vào năm 2007, ông và bà N1 có làm thủ tục vay tín dụng tại VIB, số tiền vay là 2.000.000.000đ. Mục đích để bổ sung vốn mua sà lan tự hành. Thời hạn vay là 72 tháng. Lãi suất thỏa thuận. Việc giải ngân thông qua Khế ước nhận nợ ngày 29/11/2007 số tiền 2.000.000.000đ. Hai bên thỏa thuận hàng tháng vào ngày

20 ông và bà N1 phải trả số tiền tối thiểu 27.000.000đ nợ gốc và nợ lãi. Kỳ cuối trả vào ngày 28/11/2013 trả 83 triệu gốc và lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng được một thời gian do tàu bị đắm nên ông và bà N1 không thể kinh doanh được nữa, kinh tế gặp rất nhiều khó khăn nên đã đồng ý để ngân hàng bán nhà đất tại thị trấn K và tàu chở cát để trả nợ cho ngân hàng. Tổng số nợ gốc ông và bà N1 còn nợ ngân hàng khoảng 505.000.000đ. Sau đó, gia đình ông có phương án trả nợ, đã nhiều lần liên hệ với ngân hàng về làm việc, xử lý tất toán khoản vay để rút bìa đỏ trả vợ chồng ông G1, Bà Đ2 nhưng phía ngân hàng không cử ai để giải quyết giúp gia đình ông. Khi làm thủ tục vay vốn ông và bà N1 không thành lập công ty và không có đăng ký kinh doanh.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, hai bên có ký kết hợp đồng thế chấp cho khoản vay. Theo đó tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm: Giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Thị trấn K, huyện K và 01 tàu vận tải thủy, BKS HD-1475 của ông và bà N1; thửa đất số 99 và 113, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: xã P1, huyện K của ông G1, Bà Đ2.

Nay phía VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông và bà N1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký, tạm tính đến ngày 28/11/2022 là 3.105.436.954đ. Trong đó: Nợ gốc: 505.270.598đ; nợ lãi trong hạn: 392.722.943đ; nợ lãi quá hạn: 2.207.443.413đ. Ông xác định nguyên nhân của việc không thanh toán đúng hạn khoản nợ cho ngân hàng là do quá trình chở cát cho công trình Hải Hà tàu của gia đình ông gặp nạn, tàu trở cát bị gãy, đắm, sau đó việc kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến làm ăn thua lỗ. Mặc dù việc kinh doanh thua lỗ nhưng gia đình ông vẫn có đầy đủ trách nhiệm trả nợ bằng việc đồng ý để ngân hàng xử tài sản thế chấp là bán nhà đất và tàu để thu hồi nợ, số nợ gốc ông và bà N1 còn nợ VIB là 505.270.598đ. Sau đó ông có phương án trả nợ và đã nhiều lần liên hệ với ngân hàng để về làm việc, tất toán khoản vay để rút bìa đỏ trả cho ông G1, Bà Đ2 nhưng ngân hàng không cử đại diện về làm việc. Phía ngân hàng cũng không khởi kiện vụ án đến Tòa án sớm dẫn đến khoản nợ lãi quá lớn, vượt khả năng trả nợ của ông và bà N1. Do đó ông xác định phía ngân hàng cũng có một phần lỗi dẫn đến số nợ phải trả quá lớn. Nay gia đình ông hoàn cảnh rất khó khăn, vay mượn người thân, bạn bè được số tiền khoảng 900.000.000đ. Gia đình ông sẽ thanh toán số tiền 900.000.000đ và đề nghị ngân hàng tất toán khoản vay và giải chấp tài sản thế chấp của vợ chồng ông G1, Bà Đ2. Vì gia đình ông G1, Bà Đ2 cũng rất khó khăn, ông G1 là người có công với cách mạng, thương binh hàng 4/4, vợ ông G1 là bà Cao Thị Đ2 bị bệnh nhiều năm, hai vợ chồng không có khả năng lao động, hàng tháng nguồn thu nhập duy nhất là số tiền trợ cấp ít ỏi. Các con của ông G1 không có việc làm và thu nhập ổn định, kinh tế khó khăn và đều đã ly hôn, hiện đang sống nhờ trên đất của ông G1, Bà Đ2. Thửa đất mà ông G1, Bà Đ2 thế chấp cho khoản vay của vợ chồng ông là chỗ ở duy nhất của cả gia đình ông G1, phía gia đình ông G1 không có khả năng tạo lập chỗ ở mới nên

trường hợp ngân hàng phát mại tài sản thế chấp thì gia đình ông G1 sẽ không có chỗ ở. Do đó, ông đề nghị phía ngân hàng tạo điều kiện, giúp đỡ gia đình ông.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Đ2-ông Vũ Huy G1 trình bày: Ông và bà Cao Thị Đ2 có quan hệ là vợ chồng. Bà Đ2 sức khỏe yếu, đã nằm viện 03 năm nay nên không thể đến Tòa án làm việc được. Ông sẽ đại diện cho Bà Đ2 làm việc với Tòa án.

Khoảng năm 2008, vợ chồng ông T1, bà N1 có ký kết hợp đồng với VIB và có nhờ vợ chồng ông thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99 và 113, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Phường P1, thị xã K, tỉnh H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 894103, số vào sổ GCN: 125 doc UBND huyện K cấp ngày 02/12/1999 mang ông và Bà Đ2. Quá trình từ đó đến nay, vợ chồng ông T1, bà N1 đã trả nợ như thế nào vợ chồng ông không nắm được. Nay ngân hàng khởi kiện ông T1, bà N1 tại Tòa án, quan điểm của gia đình ông đề nghị ngân hàng và ông T1, bà N1 cùng nhau thỏa thuận để thanh toán toàn bộ số tiền nợ đã vay để giải chấp cho gia đình ông quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của anh P1, anh Ng1-anh Vũ Văn Th1 trình bày: Anh có quan hệ là con trai của ông Vũ Huy G1 và bà Cao Thị Đ2. Bà Cao Thị N1 là em gái ruột mẹ anh. Hiện nay anh vẫn sống cùng bố mẹ anh tại Khu 7, phường P1, thị xã K, tỉnh H. Thửa đất số 99, 113, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Phường P1, thị xã K là tài sản của bố, mẹ anh. Bố mẹ anh đã dùng tài sản này để thế chấp cho khoản vay của ông T1, bà N1 tại ngân hàng VIB. Ngày 06/9/2023, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định trên đất của ông G1, Bà Đ2 có một số công trình gồm nhà 02 tầng, nhà dưới, nhà vệ sinh.... Anh xác định tại thời điểm thế chấp thì bố mẹ anh chỉ xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng. Sau này 03 anh em anh lập gia đình, do không có chỗ ở nên chung sống cùng bố mẹ. Bố mẹ anh sinh được 04 anh em gồm: Anh Vũ Đại P1, sinh năm 1981, anh - Vũ Văn Th1, em trai Vũ Văn Ng1, sinh năm 1985 và Vũ Văn Đức, sinh năm 1988. Trong đó chỉ có anh, anh P1 và anh Ng1 là người góp tiền, công sức đổ đất để san lấp ao phía sau vườn, xây dựng nhà dưới, nhà vệ sinh, nhà chăn nuôi, hệ thống mái tôn, còn chu Đức sau khi lập gia đình thì sinh sống ở bên nhà vợ tại tỉnh Lào Cai. Do gia đình anh kinh tế khó khăn nên anh và anh P1 đã làm thủ tục ly hôn vợ, còn anh Ng1 vẫn chưa lập gia đình. Vợ của anh P1 và vợ của anh không có đóng góp công sức, tiền bạc gì trong việc kiến thiết, xây dựng các tài sản trên. Do anh P1 và anh Ng1 sức khỏe yếu nên đã ủy quyền cho anh tham gia tố tụng tại Tòa án.Do nhu cầu cấp thiết về chỗ ở nên gia đình anh không thông báo cho ngân hàng biết khi xây dựng thêm các công trình này nhưng quá trình ngân hàng về đôn đốc nợ, kiểm tra tài sản thế chấp thì có biết sự việc. Nay ngân hàng khởi kiện đối với khoản vay của ông T1, bà N1 và yêu cầu Tòa án xem xét, xử lý tài sản thế chấp. Quan điểm của anh xác định ngân hàng VIB cũng có một phần lỗi vì khoản nợ của dì anh

ngân hàng để kéo dài từ năm 2008 đến nay dẫn đến nợ lãi lớn, dì anh không có khả năng trả nợ. Gia đình anh đề nghị VIB giảm lãi để dì anh vay mượn trả nợ, không phải xử lý tài sản thế chấp vì hiện nay gia đình anh rất khó khăn, bố anh là người có công với nhà nước, mẹ anh bị bệnh tật, đau ốm thường xuyên. Trường hợp ngân hàng mà xử lý tài sản thế chấp thì cả gia đình anh không có chỗ ở. Anh đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho gia đình anh.

Tại phiên tòa:

- *Đại diện của VIB trình bày*: VIB giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định tổng số nợ tính đến ngày 29/9/2023 là 3.258.993.849đ. Trong đó: Nợ gốc: 505.270.598đ; nợ lãi trong hạn: 392.722.943đ; nợ lãi quá hạn: 2.361.000.308đ.

- *Bà Cao Thị N1 trình bày*: Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, hiện gia đình bà kinh tế gặp rất nhiều khó khăn, vợ chồng đã giải quyết ly hôn từ năm 2016, không có khả năng trả toàn bộ khoản nợ theo yêu cầu của ngân hàng. Bà vay mượn người thân và có khả năng thanh toán một lần số tiền 900.000.000đ cho ngân hàng và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giảm lãi, tất toán khoản vay và giải chấp đối với tài sản thế chấp của ông G1, Bà Đ2.

- *Anh Vũ Văn Th1 trình bày*: Tại phiên tòa hôm nay, vì lý do công việc nên bố anh không đến tham gia tố tụng được. Anh xin đại diện gia đình trình bày quan điểm với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do điều kiện kinh tế của gia đình rất khó khăn nên anh đề nghị VIB và ông T1, bà N1 cùng nhau thỏa thuận, thanh toán toàn bộ số tiền nợ đã vay để giải chấp quyền sử dụng đất đã thế chấp cho gia đình anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T1, bà N1 phải có nghĩa vụ trả cho VIB, tính đến ngày 29/9/2023, tổng số tiền là 3.258.993.849đ. Trong đó: Nợ gốc: 505.270.598đ; nợ lãi trong hạn: 392.722.943đ; nợ lãi quá hạn: 2.361.000.308đ. Tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/11/2022 cho đến ngày ông T1, bà N1 thanh toán xong khoản nợ cho VIB. Trường hợp ông T1, bà N1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.100.000đ; về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn T1, ông

Vũ Huy G1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Đại P1, anh Vũ Văn Ng1 vắng mặt nhưng có mặt người đại diện. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1, ông G1, Bà Đ2, anh P1 và anh Ng1.

[2]. Xét Hợp hợp đồng tín dụng số 767/11-07/DH/TAU ngày 28/11/2007 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 767B/2007/HĐTC/VIBHD ngày 28/11/2007, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do vậy, các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký kết, VIB đã giải ngân cho ông T1, bà N1 tổng số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) thông qua Khế ước nhận nợ số 767/KƯNN1. ngày 29/11/2007. Ông T1, bà N1 đã nhận đủ số tiền vay và thực hiện việc trả nợ (gốc+lãi) định kỳ theo thỏa thuận. Đến kỳ trả nợ (gốc+lãi) ngày 20/9/2009, ông T1, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5, VIB đã chuyển khoản vay của ông T1, bà N1 sang nợ quá hạn từ ngày 21/9/2009. Ông T1, bà N1 đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh H và 01 tàu vận tải thủy, trọng tải 790/497,244 tấn, biển kiểm soát số HD-1475 2 cho VIB xử lý để thu hồi nợ. Tổng số tiền bị đơn đã trả cho VIB là 2.017.928.423đ, gồm: Nợ gốc: 1.494.729.402đ; nợ lãi trong hạn: 488.757.423đ; nợ lãi quá hạn: 34.441.598đ. Số nợ gốc, nợ lãi bị đơn chưa thanh toán lần lượt là 505.270.598đ và 392.722.943đ. Căn cứ khoản 3 Khế ước nhận nợ ngày 29/11/2007 mà hai bên đã ký kết thì bị đơn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên số tiền chậm thanh toán. Tính đến ngày 29/9/2023, số nợ lãi bị đơn phải thanh toán là 2.361.000.308đ;

[3.2]. Xét ý kiến trình bày của bị đơn về việc xác định VIB có một phần lỗi khi không cử cán bộ về làm việc, tất toán khoản vay khi bị đơn có phương án trả nợ và không sớm giải quyết dứt điểm mà để khoản nợ gốc kéo dài từ năm 2009 đến năm 2023 mới làm thủ tục khởi kiện đến Tòa án, dẫn đến số nợ lãi quá lớn, nằm ngoài khả năng thanh toán của bị đơn, HĐXX thấy: Tại khoản 1 Điều 4 Hợp đồng tín dụng quy định: "*bên vay có trách nhiệm sử dụng mọi nguồn vốn để trả nợ và chuyển vào tài khoản tiền gửi mở tại VIB trước ngày đến hạn trả nợ*". Theo quy định này, trường hợp bị đơn có điều kiện trả nợ để tất toán khoản vay thì bị đơn có thể chuyển tiền vào tài khoản tiền gửi của mình mở tại VIB, không nhất thiết cán bộ ngân hàng phải về làm việc. Ngoài lời khai của mình, phía bị đơn không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh; mặc dù không trực tiếp đề nghị Tòa

án áp dụng quy định thời hiệu nhưng bị đơn xác định VIB đã vi phạm về thời hạn nộp đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 184 của BLTTDS để xem xét quy định về thời hiệu. Xét thấy, ngày 05/12/2022, khi làm việc với VIB, bà Cao Thị N1 đã thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ trả nợ và xin nộp số tiền 700.000.000đ để tất toán khoản vay. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để VIB khởi kiện vụ án được bắt đầu lại từ ngày 05/12/2022. Ngày 06/6/2023 VIB nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi là còn thời hiệu, có căn cứ, đảm bảo theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Xác định nghĩa vụ trả nợ: Tại Quyết định số 242/2016/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2016, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H đã công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T1, bà N1. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông T1, bà N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; do khoản nợ phát sinh vào năm 2007, trong thời kỳ hôn nhân nên đây là khoản nợ chung của ông T1, bà N1. Khi giải quyết ly hôn tại Tòa án các bên đương sự chưa giải quyết về quan hệ tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ buộc ông T1, bà N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ 3.258.993.849đ cho VIB, chia nghĩa vụ theo phần, ông T1, bà N1 mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.629.496.924đ và phải tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết.

[4]. Về xử lý tài sản thế chấp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 1; Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì quyền sử dụng các thửa đất số 99 và 113, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Xã P1-Nay là phường P1, thị xã K, tỉnh H đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất vào ngày 02/12/1999 mang tên ông Vũ Huy G1 và các tài sản trên đất (*kể cả phần công trình xây dựng thêm*) là tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông T1, bà N1 tại VIB theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy, trường hợp ông T1, bà N1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: VIB đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*). Theo quy định tại Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông T1, bà N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại VIB số tiền này, chia nghĩa vụ theo phần, ông T1, bà N1 mỗi người phải trả số tiền 1.550.000đ.

[6]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39, 147; khoản 1, 2 Điều 228; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 299, 303, 304, 307, 317, 318, 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam.

Buộc ông Hoàng Văn T1 và bà Cao Thị N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam số tiền chưa thanh toán, tính đến ngày 29/9/2023, là 3.258.993.849đ, gồm: Nợ gốc: 505.270.598đ, nợ lãi trong hạn: 392.722.943đ, nợ lãi quá hạn: 2.361.000.308đ, chia nghĩa vụ theo phần, buộc ông T1, bà N1 mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.629.496.924đ, gồm: Nợ gốc: 252.635.299đ; nợ lãi trong hạn: 196.361.471đ; nợ lãi quá hạn: 1.180.500.154đ.

Kể từ ngày 30/9/2023, cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Văn T1 và bà Cao Thị N1 phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Hoàng Văn T1 và bà Cao Thị N1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng quyền sử dụng các thửa đất số 99 và 113, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Xã P1-Nay là phường P1, thị xã K, tỉnh H đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất vào ngày 02/12/1999 mang tên ông Vũ Huy G1 cùng toàn bộ các tài sản trên đất để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Hoàng Văn T1 và bà Cao Thị N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam số tiền 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Chia nghĩa vụ theo phần, ông T1, bà N1 mỗi người phải trả số tiền 1.550.000đ (*Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn T1 và bà Cao Thị N1 mỗi người phải chịu số tiền (*đã làm tròn*) 60.884.900đ (*Sáu mươi triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm đồn*g) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.100.000đ (*Bốn mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2021/0004519 ngày 06/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh H.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huấn